

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 276/2024/DS-PT

Ngày: 09-5-2024

*V/v tranh chấp thừa kế tài sản; yêu
cầu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử
dụng đất*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các thẩm phán: Ông Dương Tuấn Vinh

Ông Nguyễn Văn Khương

- Thư ký phiên tòa: ông Thân Văn Nhường – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Hà Văn Hiến – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 871/2023/TLPT- DS ngày 20 tháng 12 năm 2023 về việc “*tranh chấp thừa kế tài sản; yêu cầu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*”; do Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2023/DS-PT ngày 23 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa án ra xét xử số 881/2024/QĐ-PT ngày 25 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Hồng P, sinh năm 1978. Địa chỉ: số D, khu phố B, phường T, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: bà Trương Thị Minh H, sinh năm 1989. Địa chỉ: số F Phó C, phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

+ Luật sư Tô Vĩnh H1 - Công ty L2, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long. Địa chỉ: số F Phó C, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Luật sư Đỗ Thanh B – Văn phòng L3, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H. Địa chỉ: A M, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

+ Luật sư Lê Tuấn H2 - Văn phòng L3, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H.
Địa chỉ: A M, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Bà Trần Thị Hồng H3, sinh năm 1972;

2. Bà Trần Thị Hồng C, sinh năm 1976;

Cùng địa chỉ: số H, đường P, ấp T, xã T, huyện G - Đài Loan.

Người đại diện hợp pháp của các bị đơn: bà Nguyễn Minh T, sinh năm 1979. Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Thị Mỹ T1, sinh năm 1969. Địa chỉ: ấp P, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (có đơn xin xét xử vắng mặt);

2. Bà Trần Thị Phi T2, sinh năm 1971. Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (có đơn xin xét xử vắng mặt);

3. Bà Nguyễn Thị Mỹ A (Á), sinh năm 1956. Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt);

4. Ông Nguyễn Thanh B1, sinh năm 1961. Địa chỉ: ấp P, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt);

5. Bà Nguyễn Mỹ H4, sinh năm 1955. Địa chỉ: số D, tổ C, phường T, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt);

6. Ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1972. Địa chỉ: ấp P, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long;

Người đại diện hợp pháp của ông T3: bà Nguyễn Minh T, sinh năm 1979. Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

7. Anh Lê Phụng H5, sinh năm 1982 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

8. Chị Trương Thị D, sinh năm 1985 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

9. Anh Thái Minh T4, sinh năm 1987 (vắng mặt);

10. Bà Trần Thị D1, sinh năm 1967 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp P, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

11. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1990 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

12. Chị Trương Thị Cẩm N, sinh năm 1992 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* nguyên đơn bà Trần Thị Hồng P.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời trình bày của các đương sự, các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Cụ Trần Nam H6 (chết ngày 04/11/2018) và cụ Huỳnh Thị H7 (chết ngày 11/7/2004), có 06 người con chung gồm: Trần Thị Hồng H3, Trần Thị Hồng C, Trần Thị Mỹ T1, Trần Thị Phi T2, Trần Thị Hồng P và Trần Thị Bích T5 (bà T5 chết không có chồng con).

Ngoài ra, cụ Huỳnh Thị H7 còn có 04 người con riêng trước khi về sống với cụ H6 gồm: Nguyễn Thanh B1, Nguyễn Mỹ H4, Nguyễn Thị Mỹ A (Á) và Nguyễn Thanh P1 (ông P1 chết không có vợ con).

Tài sản tranh chấp thừa đất số 745 (thửa mới 54), diện tích 10.600m², loại đất trồng lúa; thửa 762 diện tích 4.400m² đất ở và trồng cây lâu năm; thửa 768 diện tích 2.990m² đất trồng cây lâu năm do cụ Trần Nam H6 kê khai đăng ký năm 1991. Năm 2007, cụ H6 tách thửa để chuyển nhượng và chia đất cho các con, còn lại 02 thửa gồm: thửa 54 diện tích 10.323,9m², loại đất trồng lúa do cụ H6 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) ngày 29/7/2013 và thửa 26 diện tích 1.439,6m² do cụ H6 đứng tên GCNQSDĐ ngày 21/3/2013. Ngày 04/11/2018 cụ H6 chết.

Cụ H6 có lập 02 Di chúc:

+ Di chúc lập ngày 26/5/2008, được UBND xã H, huyện V chứng thực ngày 29/5/2008. Nội dung: cụ H6 để lại cho bà Trần Thị Hồng C được hưởng thửa 747, diện tích 10.600m², loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp P, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long, GCNQSDĐ số C009128 và thửa 763 diện tích 1.546,2m² loại đất thổ quả, tọa lạc tại ấp P, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long, GCNQSDĐ số AK 523005 và 01 căn nhà cấp 4, mái tole, nền lót gạch men.

+ Di chúc lập ngày 06/7/2012 tại Văn phòng công chứng Lý Thị Như Hòa, thành phố Hồ Chí Minh. Nội dung: cụ H6 để lại cho bà Trần Thị Hồng P được hưởng thừa kế phần tài sản của cụ H6 và phần tài sản mà cụ H6 thừa kế của cụ H7 đối với thửa 745, tờ bản đồ số 0007 tại xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long, theo GCNQSDĐ số C009128 do UBND huyện V cấp ngày 12/11/1993, số vào sổ 25081, đăng ký thay đổi ngày 13/8/2007.

Năm 2019, bà C lập thủ tục kê khai thừa kế và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp GCNQSDĐ thửa 26 diện tích 1.439,6m² ngày 01/2/2019 và thửa 54 diện tích 10.323,9m² ngày 14/02/2019.

Theo đơn khởi kiện ngày 17/01/2020, đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung ngày 19/7/2022 của nguyên đơn và trong quá trình giải quyết vụ án, chị Trương Thị Minh H là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Về tài sản, cụ H6 và cụ H7 tạo lập được các tài sản bao gồm:

1. Thửa đất số 745 (thửa mới 54); diện tích 10.323,9m²; loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp P, xã H, huyện V hiện nay do bà Trần Thị Hồng C đứng tên GCNQSDĐ được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp năm 2019 (phần đất này do bà Trần Thị Mỹ T1 trồng lúa không có cây trồng, vật kiến trúc gì khác trên đất).

2. Thửa đất số 762, diện tích 4.200m²; loại đất thổ quả, cụ Trần Nam H6 được cấp GCNQSDĐ năm 1991, tọa lạc tại ấp P, xã H, huyện V, biến động thành 5 thửa như sau:

- Thửa 764 diện tích 1.075,4m², loại đất trồng cây lâu năm (biến động vào năm 2007 do cụ Trần Nam H6 tách thửa). Năm 2007 cụ Hoàng t cho Trần Thị Hồng P và năm 2007 bà P được cấp GCNQSDĐ, nhưng đất hiện nay do bà Trần Thị Mỹ T1 sử dụng; trên đất có một số cây dừa còn lại là cây tạp không có vật kiến trúc gì trên đất.

- Thửa 26, diện tích 1.439,6m², loại đất thổ quả, cụ H6 được cấp GCNQSDĐ vào ngày 21/8/2013. Đến năm 2019, bà Trần Thị Hồng C khai nhận thửa kể và được cấp GCNQSDĐ năm 2019. Hiện nay bà Trần Thị Mỹ T1 sử dụng, gắn liền với đất có căn nhà thờ nhưng không ai ở.

-Thửa 762, diện tích 962,3m², loại đất vườn do cụ Trần Nam H6 được cấp GCNQSDĐ vào 18/9/2007. Đến ngày 23/10/2007 cụ Hoàng t cho bà Trần Thị Phi T2. Bà Trần Thị Phi T2 và chồng là ông Nguyễn Văn L1 được cấp GCNQSDĐ vào ngày 31/10/2007.

-Thửa 760, diện tích 1.272,9m², loại đất thổ quả, cụ Trần Nam H6 được cấp GCNQSDĐ năm 2007. Cùng năm 2007, cụ Hoàng t cho bà Trần Thị Mỹ T1 và chồng bà T1 là ông Hồ Văn T6. Hiện nay, bà T1 và ông T6 cùng đứng tên GCNQSDĐ và đang quản lý sử dụng.

-Thửa 762B, diện tích 1.212,1m², loại đất thổ quả, cụ Trần Nam H6 được cấp giấy năm 2007. Đến năm 2012, cụ H6 trao đổi đất với ông B1. Hiện nay ông B1 đứng tên GCNQSDĐ và đang quản lý sử dụng.

Trong 05 thửa đất nêu trên (764, 26, 762, 760, 762B được tách ra từ thửa 762), nguyên đơn chỉ yêu cầu được chia thửa kể thửa số 26 diện tích 1.439,6m². Còn lại 4 thửa gồm 764, 762, 760, 762B khi còn sống cụ H6 đã chia cho các con xong nên không có yêu cầu chia các thửa này.

3. Thửa đất 768, tờ bản đồ số 7, diện tích 2.990m², loại đất vườn, cụ H6 được cấp GCNQSDĐ năm 1993. Đến 2005, cụ H6 ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ thửa đất này cho bà Trần Thị Hồng H3. Đến ngày 20/5/2005, bà H3 đứng tên GCNQSDĐ (chỉnh lý mặt 4). Năm 2014 biến động thành thửa 16 diện tích 3.031,2m² do bà Trần Thị Hồng H3 và ông Nguyễn Văn T3 đứng tên GCNQSDĐ. Đến năm 2018 được tách 2 thửa là thửa 355 diện tích 2.739m² do bà H3, ông T3 đứng tên và thửa 356 diện tích 292,2m² do bà H3 và ông T3 chuyển nhượng cho bà Trần Thị D1 đang đứng tên.

- Năm 2019, thửa 355, diện tích 2.739m² do bà H3, ông T3 tách thành 3 thửa gồm:

+Thửa 361 diện tích 1.820,2m², loại đất trồng cây lâu năm hiện do bà H3, ông T3 đứng tên và quản lý sử dụng.

+ Thửa 362 diện tích 456,3m², loại đất trồng cây lâu năm, do bà H3 và ông T3 chuyển nhượng cho bà Trương Thị Cẩm N và ông Nguyễn Văn L vào năm 2019.

+ Thửa 363 diện tích 462,5m², loại đất trồng cây lâu năm, do bà H3 và ông T3 chuyển nhượng cho ông Thái Minh T4, hiện ông T4 đang đứng tên.

- Bà P khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên:

+ Vô hiệu di chúc của cụ Trần Nam H6 lập ngày 26/5/2008;

+ Công nhận di chúc do cụ H6 lập ngày 06/7/2012 và chia thừa kế theo di chúc ngày 06/7/2012 đối với thửa 745 (thửa mới 54) diện tích 10.323,9m² loại đất lúa. Bà P yêu cầu được nhận ½ thửa 54, còn lại ½ thửa 54 chia cho các đồng thừa kế gồm 6 kỹ phần (cụ H6, bà H3, bà T1, bà T2, bà C, bà P), mỗi kỹ phần là 860,3m², trong đó kỹ phần của cụ H6 cũng giao cho bà P. Do bà P được nhận kỹ phần nhiều hơn nên bà P yêu cầu được sử dụng toàn bộ thửa đất 54 và giao giá trị của mỗi kỹ phần cho các đồng thừa kế theo giá Hội đồng định giá.

Bà P tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với các thửa: thửa 26, diện tích 1.439,6m² đất thổ quả; Thửa 356 diện tích 292,2m², loại đất trồng cây lâu năm; Thửa 361 diện tích 1.820,2m², loại đất trồng cây lâu năm; Thửa 362 diện tích 456,3m² đất trồng cây lâu năm; Thửa 363 diện tích 462,5m², loại đất trồng cây lâu năm.

- Bị đơn bà Trần Thị Hồng H3 do bà Nguyễn Minh T làm đại diện trình bày:

Về tài sản của cụ H6 và cụ H7 tạo lập giống như nguyên đơn trình bày. Việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện bà H3 đồng ý. Đối với yêu cầu của nguyên đơn phía bị đơn không đồng ý, lý do: thửa 745 (thửa mới 54), diện tích 10.323,9m² loại đất lúa tọa lạc tại ấp P, xã H, huyện V, ngày 29/5/2008 cụ H6 đã lập di chúc cho bà C; di chúc được Ủy ban nhân xã H, huyện V chứng thực. Năm 2018, cụ H6 chết, sau khi cụ H6 chết, bà C kê khai thừa kế theo di chúc của cụ H6 lập ngày 29/5/2008 và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp GCNQSDĐ thửa 54, diện tích 10.323,9m² vào ngày 14/02/2019 và thửa 26 diện tích 1.439,6m² (thửa 26 có căn nhà thờ). Do bà C đang sinh sống tại Đài Loan nên hiện nay bà Trần Thị Mỹ T1 là người quản lý, sử dụng thửa 26 và thửa 54.

Bà H3 yêu cầu hủy di chúc lập ngày 06/7/2012 do Phòng Công chứng Lý Thị Như Hòa - Thành phố H công chứng, lý do cụ Trần Nam H6 biết viết chữ, biết ký tên nhưng trong di chúc chỉ có dấu lấn tay không ký tên và ghi họ tên. Cụ Trần Nam H6 sinh sống tại huyện V, tỉnh Vĩnh Long, vào tháng 7 năm 2012 cụ H6 bị bệnh trầm cảm lên thành phố Hồ Chí Minh để trị bệnh, nên không có khả năng lập di chúc. Ngày 29/5/2008 cụ Trần Nam H6 trực tiếp đến Ủy ban nhân dân xã H, huyện V lập di chúc và có ký tên và ghi rõ họ tên cụ H6, được Ủy ban nhân dân xã C1. Như vậy di chúc ngày 29/5/2008 là hợp pháp.

Nếu trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn thì các chị em còn lại gồm Trần Thị Hồng H3, Trần Thị Hồng C, Trần Thị Mỹ T1, Trần Thị Phi

T2 thống nhất nhận quản lý sử dụng toàn bộ thửa 54 diện tích 10.323,9m², loại đất lúa tủa lạc tại ấp P, xã H, huyện V do bà Trần Thị Hồng C đứng tên và hoàn giá trị lại cho bà P hưởng theo kỷ phần mà bà P được nhận theo quy định của pháp luật. Vì bà P không có nhu cầu canh tác.

Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà H3, ông T3 với ông Lê Phụng H5, bà Trương Thị D: bà H3 đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng, công nhận quyền sử dụng đất thuộc tách thửa số 361, diện tích 789,4m², loại đất trồng cây lâu, tọa lạc tại ấp P, xã H, huyện V cho ông H5 và bà D.

- Bị đơn bà Trần Thị Hồng C do bà Nguyễn Minh T làm đại diện trình bày:

Thông nhất ý kiến trình bày và yêu cầu của bà H3. Đối với di chúc ngày 06/7/2012 do Văn phòng công chứng Lý Thị Như Hòa, địa chỉ số A Bà T, Khu phố A, thị trấn H, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận, bà C cho rằng di chúc đó không phải là ý chí của cụ H6, vì hình thức và nội dung di chúc không đúng theo quy định của pháp luật cụ thể như sau: cụ Trần Nam H6 là người biết chữ và biết ký tên, nhưng di chúc không có chữ ký và chữ viết của cụ Trần Nam H6. Đồng thời tại trang 03 từ trên đếm xuống dòng thứ 11 có câu *“Tôi đã đọc di chúc, đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong di chúc và điểm chỉ vào di chúc này trước sự có mặt của Công Chứng V”*. Nếu cụ H6 đọc được thì phải ký tên và ghi họ tên vào di chúc.

Giấy khám sức khỏe của cụ Trần Nam H6 ngày 03/7/2012, do Bệnh viện quận G chứng nhận là chưa đúng với hiện trạng sức khỏe của cụ H6 lúc bấy giờ, vì lúc đó cụ H6 bị bệnh lên Thành phố Hồ Chí Minh để trị bệnh, sức khỏe không ổn định, đồng thời trên giấy khám sức khỏe không có thể hiện đầy đủ các nội dung khám bệnh. Những người làm chứng không khách quan, họ đều là những người thân quen biết của bà Trần Thị Hồng P.

Bà C có yêu cầu phản tố, yêu cầu:

+ Công nhận di chúc ngày 29/5/2008 của cụ H6 do Ủy ban nhân dân xã H chứng thực, lý do sau khi cụ H6 chết bà C làm thủ tục khai nhận thừa kế, niêm yết đầy đủ thủ tục tại Ủy ban nhân dân xã; lúc này, các đồng thừa kế không ai tranh chấp. Ngày 14/02/2019, bà C được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp GCNQSDĐ.

+ Hủy di chúc ngày 06/7/2012 của cụ ông Trần Nam H6 do Văn phòng công chứng Lý Thị Như Hòa, địa chỉ số A Bà T, khu phố A, thị trấn H, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Trần Thị Mỹ T1 và bà Trần Thị Phi T2 trình bày tại biên bản lấy lời khai cùng ngày 11/7/2023: yêu cầu chia thừa kế thửa đất số 54, diện tích 10.323,9m², loại đất trồng lúa cho 05 người gồm: Trần Thị Mỹ T1, Trần Thị Hồng H3, Trần Thị Phi T2, Trần Thị Hồng C và Trần Thị Hồng P mỗi người 2.000m²

và yêu cầu được nhận bằng hiện vật. Các đương sự xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Ông Nguyễn Thanh B1 và bà Nguyễn Thị Mỹ A (Á) trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 12/4/2023 và ngày 13/4/2023:

Ông, bà là con riêng của cụ Huỳnh Thị H7, cùng mẹ khác cha với nguyên đơn và bị đơn. Nguồn gốc thửa đất 54, diện tích 10.323,9m², loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp P, xã H, huyện V là của cha mẹ cụ H6 để lại cho cụ H6, sau khi cụ H6 kết hôn với cụ H7 thì hai người canh tác. Ông, bà không có yêu cầu chia di sản thừa kế trong vụ án này, không có ý kiến yêu cầu gì khác. Đề nghị Tòa án cho vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Cam kết không khiếu nại gì về sau.

Bà Nguyễn Mỹ H4 trình bày tại văn bản đề ngày 30/5/2023: bà là con riêng của cụ Huỳnh Thị H7, bà không có yêu cầu hưởng thừa kế. Mong muốn của bà là anh em trong gia đình hòa thuận yêu thương nhau.

Ông Nguyễn Văn T3 (chồng bà Trần Thị Hồng H3) có bà Nguyễn Minh T làm đại diện trình bày: ông T3 thống nhất theo ý kiến của bà H3 do bà Nguyễn Minh T đại diện trình bày ở trên.

Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 24/12/2020 và quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Phụng H5 và bà Trương Thị D trình bày:

Vào ngày 29/4/2020, ông bà có nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn T3 và bà Trần Thị Hồng H3 tách thửa số 361, diện tích 789,4m², loại đất trồng cây lâu năm, với giá 980.000.000đ. Hai bên có lập hợp đồng chuyển nhượng theo mẫu quy định, được ủy ban nhân dân xã H chứng thực, ông bà đã trả tiền xong cho bà H3, ông T3 và nhận đất sử dụng từ ngày 28/4/2020 đến nay (trồng cây lâu năm như dừa, mít, ổi và làm hàng rào xung quanh). Hồ sơ chuyển nhượng được chuyển đến tổ tiếp dân của huyện V 28 ngày, nhưng do đất đang tranh chấp thừa kế nên chưa sang tên được. Đề nghị Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bà H3, ông T3 để ông, bà được đứng tên GCNQSDĐ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn L trình bày:

Vào năm 2019, ông nhận chuyển nhượng thửa đất 362 của bà Trần Thị Hồng H3 diện tích 456,3m² và đã được cấp GCNQSDĐ vào ngày 14/5/2019 do hai vợ chồng Nguyễn Văn L và Trương Thị Cẩm N cùng đứng tên. Đối với vụ án tranh chấp thừa kế của bà Trần Thị Hồng P và bà Trần Thị Hồng H3 ông không có ý kiến gì, vì vợ chồng ông đã được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp. Đề nghị Tòa án cho vắng mặt các buổi hòa giải và các phiên tòa xét xử vụ án, cam kết sẽ không có khiếu nại về sau.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2023/DS-ST ngày 23 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã tuyên xử:

Căn cứ vào các Điều 26, 37, 147, 157, 165, 244, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 631, 634, 635, 642, 646, 647, 648, 649, 650, 656, 657, 667 Bộ luật dân sự 2005; các Điều 118, 119, 623, 643, 688 Bộ luật dân sự 2015, Điều 26,

27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc chia thừa kế các thửa: thửa 26, tích 1.439,6m², loại đất thổ quả; thửa 356 diện tích 292,2m², loại đất trồng cây lâu năm; thửa 361 diện tích 1.820,2m², loại đất trồng cây lâu năm; thửa 362, diện tích 456,3m², loại đất trồng cây lâu năm và thửa 363 diện tích 462,5m², loại đất trồng cây lâu năm do nguyên đơn đã rút yêu cầu.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị Hồng P. Vô hiệu một phần di chúc do cụ Trần Nam H6 lập ngày 26/5/2008, được Ủy ban nhân dân xã H chứng thực ngày 29/5/2008.

3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Trần Thị Hồng C. Vô hiệu di chúc lập ngày 06/7/2012 do phòng công chứng Lý Thị Như Hòa, tại số A Bà T, khu phố A, thị trấn H, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 06/7/2012.

4. Công nhận cho bà Trần Thị Hồng C quyền sử dụng đất thuộc các tách thửa: tách thửa 54-7 diện tích 5286,9m², tách thửa 54-6 diện tích 838,8m², tách thửa 54-5 diện tích 838,9m² (tổng cộng 6964,6m²), loại đất trồng lúa.

Buộc bà Trần Thị Hồng C phải giao cho bà Trần Thị Hồng P, Trần Thị Hồng H3, Trần Thị Mỹ T1 và Trần Thị Phi T2 mỗi người số tiền 2.422.000đ (hai triệu bốn trăm hai mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án) đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Công nhận cho bà Trần Thị Hồng H3 quyền sử dụng đất thuộc tách thửa 54-4, diện tích 839.2m², loại đất trồng lúa.

6. Công nhận cho bà Trần Thị Phi T2 quyền sử dụng đất thuộc tách thửa 54-3, diện tích 839.5m², loại đất trồng lúa.

7. Công nhận cho bà Trần Thị Hồng P quyền sử dụng đất thuộc tách thửa 54-2 diện tích 840m², loại đất trồng lúa

8. Công nhận cho bà Trần Thị Mỹ T1 quyền sử dụng đất thuộc tách thửa 54-1, diện tích 840,6m², loại đất trồng lúa.

Các thửa đất nêu trên cùng tờ bản đồ số 18, cùng tọa lạc ấp P, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

(Kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 27/6/2022 của Phòng tài nguyên và môi trường huyện V và trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 21/8/2023 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện V)

Đối với cây trồng trên đất các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

9. Công nhận cho ông Lê Phụng H5 và bà Trương Thị D quyền sử dụng đất thuộc tách thửa 361, tờ bản đồ số 18, diện tích 789,4m², loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp P, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

(Kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 27/6/2022 của Phòng tài nguyên và môi trường huyện V).

Buộc bà Trần Thị Mỹ T1 phải giao các chiết thửa đất cho các đồng thừa kế được chia như đã nêu trên.

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ nộp chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử phúc thẩm, ngày 27/10/2023, nguyên đơn bà Trần Thị Hồng P có đơn kháng cáo, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Trần Thị Hồng P giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- *Luật sư bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:*
Di chúc do ông H6 lập năm 2008 là không hợp pháp vì ông H6 để lại cho bà Hồng C quyền sử dụng đất trồng lúa nhưng bà C là người Việt Nam đang định cư tại nước ngoài và cụ H6 lập di chúc bao gồm cả tài sản không phải của cụ H6. Các bên đương sự đều thừa nhận là tài sản của cụ H6 và cụ H7 nên đề nghị Tòa án tuyên vô hiệu bản di chúc này. Đồng thời năm 2012, cụ H6 đã lập bản di chúc mới để lại quyền sử dụng đất cho nguyên đơn, bản di chúc này được công chứng, chứng thực của phòng công chứng nên có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn không chứng minh được bản di chúc năm 2012 là vô hiệu, Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá chứng cứ theo trình bày của bị đơn là không đúng pháp luật. Đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm có những thiếu sót về thủ tục tố tụng như không đưa phòng công chứng đã chứng thực di chúc của ông H6 vào tham gia tố tụng là vi phạm thủ tục tố tụng. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận di chúc ngày 06/7/2012 là hợp pháp vì khi lập di chúc cụ H6 có giấy chứng nhận sức khỏe của Bệnh viện quận G và sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận cho nguyên đơn toàn bộ thửa đất số 54, diện tích 10.323,9m², loại đất trồng lúa. Còn một phần hai di sản của cụ H7 trong thửa 54 đồng ý chia thừa kế theo pháp luật, nguyên đơn sẽ hoàn trả giá trị cho mỗi kỳ phần thừa kế.

- Bà Nguyễn Minh T đại diện cho bị đơn Trần Thị Hồng H3, Trần Thị Hồng C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Minh T7 vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm và đề nghị giữ y bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cao cấp tại Thành phố Hồ Chí Minh Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử và thư ký phiên Tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Nguyên đơn kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu của mình nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị Hồng P làm trong hạn luật định và hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo trình tự xét xử phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mỹ A (Á), ông Nguyễn Thanh B1, bà Nguyễn Mỹ H4 xin xét xử vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án; các ông/bà Trần Thị Mỹ T1, Trần Thị Phi T2, anh Lê Phụng H5, chị Trương Thị D, anh Nguyễn Văn L, chị Trương Thị Cẩm N có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là có căn cứ.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bà Trần Thị Hồng P:

[2.1] Cụ Trần Nam H6 (chết ngày 04/11/2018) và cụ Huỳnh Thị H7 (chết ngày 11/7/2004) là vợ chồng, hai cụ có 06 người con chung gồm: Trần Thị Hồng H3, Trần Thị Hồng C, Trần Thị Mỹ T1, Trần Thị Phi T2, Trần Thị Hồng P và Trần Thị Bích T5, sinh năm 1968 (bà T5 chết không có chồng con).

Ngoài ra cụ Huỳnh Thị H7 còn có 04 người con riêng, bao gồm ông Nguyễn Thanh B1, bà Nguyễn Mỹ H4, bà Nguyễn Thị Mỹ A và ông Nguyễn Thanh P1 (ông P1 chết không có vợ con).

Nguyên đơn và đại diện của bị đơn cam kết cụ H6 và cụ H7 không có con chung, con riêng nào khác, cha mẹ của cụ N1 và cụ H7 đã chết trước khi cụ H6 và cụ H7 chết.

Do vậy, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm xác định người được hưởng di sản thừa kế của cụ H6 và cụ H7 bao gồm các ông/bà Trần Thị Hồng H3, Trần Thị Hồng C, Trần Thị Mỹ T1, Trần Thị Phi T2, Trần Thị Hồng P và các ông Nguyễn Thanh B1, bà Nguyễn Mỹ H4, bà Nguyễn Thị Mỹ A là người thừa kế của bà H7 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Di sản của cụ H6 và cụ H7 được các đương sự thừa nhận như sau:

- Thừa đất số 745, (thửa mới 54), diện tích 10.323,9m², loại đất trồng lúa;
- Thừa đất số 26, diện tích 1.439,6m², loại đất thổ quả;

Cùng tọa lạc tại ấp P, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

[3] Về tính hợp pháp của các bản di chúc của cụ H6:

[3.1] Đối với bản di chúc do cụ Trần Nam H6 lập ngày 26/5/2008:

[3.1.1] Ngày 26/5/2008, cụ Trần Nam H6 lập tờ di chúc với nội dung: *Nguyên tôi có các con Trần Thị Mỹ T1, Trần Thị Phi T2, Trần Thị Hồng H3, Trần Thị Hồng C và Trần Thị Hồng P, mỗi đứa đều có phần đất tôi đã cho riêng và đã đứng quyền sử dụng đất xong. Nay tôi còn một số tài sản như sau:*

** Chứng nhận QSDĐ số: C009128 thửa 747, diện tích 10.600m², loại đất 2 lúa, tọa lạc ấp P - H - V - Vĩnh Long;*

** Chứng nhận QSDĐ số: AK 523005, thửa 763, diện tích 1.546,2m², loại đất thổ quả, tọa lạc ấp P - H - V - Vĩnh Long;*

** Nhà ở 01 cái nhà tường (cấp 4) mái tole, nền lót gạch men.*

Phần tài sản này gồm vườn, ruộng, nhà tôi quyết định lập di chúc để lại cho đứa con tên là Trần Thị Hồng C, sinh năm 1976. Sau khi tôi qua đời sẽ được toàn quyền thừa kế số tài sản nêu trên theo quy định của pháp luật. Trong khi quyết định lập di chúc bản thân tôi còn minh mẫn và không bị một áp lực nào.

Cụ H6 ký và ghi rõ họ tên vào di chúc. Di chúc gồm 02 bản chính, được Ủy ban nhân dân xã H, huyện V chứng thực ngày 29/5/2008 và lưu giữ 01 bản.

Di chúc được cụ Trần Nam H6 lập bằng văn bản đánh máy, cụ H6 có ký tên và ghi rõ họ tên, di chúc được Ủy ban nhân dân xã H, huyện V chứng thực. Nội dung di chúc cũng thể hiện khi lập di chúc cụ H6 còn minh mẫn và không bị một áp lực nào, hình thức di chúc đúng quy định tại các Điều 649, 650, 652 Bộ luật dân sự 2005.

[3.1.2] Ngày 04/11/2018, cụ Trần Nam H6 chết, ngày 14/12/2018 bà Trần Thị Hồng C khai nhận di sản thừa kế theo quy định của pháp luật.

[3.1.3] Ngày 01/02/2019, bà C được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp GCNQSDĐ thửa 26, tờ bản đồ số 18, diện tích 1.439,6m² (loại đất ở 300m², đất trồng cây lâu năm 1139,6m²) nhưng bà P đã rút yêu cầu chia thừa kế đối với thửa đất này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.1.4] Ngày 14/02/2019, bà C được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp GCNQSDĐ thửa 54, tờ bản đồ số 18, diện tích 10.323,9m², loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp P, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

[3.1.5] Tuy nhiên, các bên đương sự đều thừa nhận thửa đất số 54, diện tích 10.323,9m² nêu trên là tài sản chung của cụ H6 và cụ H7 tạo lập. Cụ H7 chết năm 2004 không để lại di chúc, di sản của cụ H7 chưa được chia thừa kế thì cụ H6 đã lập di chúc định đoạt toàn bộ tài sản là không đúng quy định, vượt quá phần tài sản của cụ H6. Cụ H6 chỉ được định đoạt đối với 1/2 tài sản của mình (trong khối tài sản chung với cụ H7). Căn cứ khoản 4 Điều 667 Bộ luật dân sự 2005, di chúc chỉ có hiệu lực một phần, bà C được hưởng 1/2 tài sản của cụ H6 theo di chúc là 5161,9m² (10.323,9m²: 2); còn lại 1/2 tài sản của cụ H7 được chia thừa kế theo pháp luật cho các đồng thừa kế. Do đó, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên vô hiệu một phần di chúc do cụ H6 lập ngày 26/5/2008 và phần di sản của cụ H7 được chia thừa kế theo pháp luật là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3.2] Đối với bản di chúc do cụ Trần Nam H6 lập ngày 06/7/2012

[3.2.1] Về hình thức và nội dung của di chúc: di chúc được lập bằng văn bản (đánh máy), cụ Hoàng điểm chỉ bằng dấu vân tay, có hai người làm chứng, di chúc được Văn phòng công chứng Lý Thị Như Hòa, địa chỉ: số A Bà T, khu phố A, thị trấn H, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 06/7/2012. Hình thức di chúc đúng quy định tại các Điều 649, 650 Bộ luật dân sự 2005.

[3.2.2] Về nội dung, di chúc ghi nhận cụ H6 để lại phần tài sản của cụ và phần tài sản mà cụ được thừa kế của cụ H7 trong quyền sử dụng đất thuộc thửa số 745 (nay là thửa 54), tờ bản đồ 0007 tại xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long cho bà Trần Thị Hồng P. Di chúc thể hiện, khi lập di chúc cụ H6 trong trạng thái tinh thần minh mẫn, sáng suốt, căn cứ giấy chứng nhận sức khỏe do bệnh viện Gò Vấp Thành phố H cấp ngày 03/7/2012.

[3.2.3] Mặc dù về hình thức di chúc đã được Văn phòng công chứng chứng thực nhưng căn cứ công văn số 681/BVGV ngày 24/7/2023 của bệnh viện quận G trả lời cho Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long về xác nhận hồ sơ khám sức khỏe của ông Trần Nam H6 có nội dung: *“Bệnh viện có chức năng tổ chức khám sức khỏe lái xe, lập di chúc, hưởng trợ cấp. Năm 2012 bệnh viện chưa ứng dụng công nghệ thông tin vào việc lưu trữ hồ sơ khám sức khỏe, việc xác định giấy chứng nhận khám sức khỏe ngày 03/7/2012 của cụ Trần Nam H6 do con dấu của bản S bị nhòe mực nên không xác định được tính chính xác, tất cả các Bác sỹ khám bệnh và kết luận trong bản scan hồ sơ giấy chứng nhận sức khỏe cụ Trần Nam H6 hiện đã nghỉ làm việc tại bệnh viện.”* nên không có căn cứ để xác định tính hợp pháp của giấy chứng nhận sức khỏe ngày 03/7/2012 do bệnh viện quận G chứng nhận đối với cụ Trần Nam H6.

Đồng thời, Tòa án đã yêu cầu nguyên đơn cung cấp địa chỉ mới của hai người làm chứng trong di chúc vì họ không còn ở địa chỉ cũ để xác minh làm rõ nhưng bà P biết mà không cung cấp cho Tòa án.

[3.2.4] Mặt khác, các đương sự đều thừa nhận vào tháng 7 năm 2012, cụ H6 bị bệnh trầm cảm lên thành phố Hồ Chí Minh để trị bệnh nên ở với nguyên đơn; ngoài thời gian đó thì cụ H6 thường xuyên ở Vĩnh Long với bà H3 nhưng ngày 3/7/2012, cụ H6 đã đi khám sức khỏe tại bệnh viện G với mục đích làm di chúc và ngày 6/7/2012 thì tự lên phòng công chứng lập di chúc mà không báo cho nguyên đơn biết.

[3.2.5] Theo xác nhận của Phòng Công chứng Lý Thị Như Hòa thì người làm chứng ký tên làm chứng trên di chúc là do ông H6 tự mời, không phải nhân viên của phòng công chứng. Như vậy, ông H6 còn minh mẫn và khỏe mạnh để tự tìm người làm chứng và tự đến phòng công chứng để yêu cầu lập di chúc thì ông H6 là người biết viết, biết đọc mà không tự ký tên và ghi tên mình trên bản di chúc mà phải yêu cầu lăn tay là không phù hợp như ý kiến của bị đơn đã trình bày là có căn cứ.

[3.2.6] Theo quy định tại khoản 3 Điều 48 Luật công chứng năm 2006 quy định: di chúc đã được công chứng, nhưng sau đó người lập di chúc muốn sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ di chúc thì có thể yêu cầu bất kỳ công chứng viên nào công chứng việc sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc hủy bỏ đó. Trong trường hợp di chúc trước đó đang được lưu giữ tại một tổ chức hành nghề công chứng thì người lập di chúc phải thông báo cho tổ chức hành nghề công chứng đó biết việc sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ di chúc. Khi cụ H6 lập di chúc được Ủy ban nhân dân xã H chứng thực ngày 29/5/2008 và được lưu giữ 01 bản tại Ủy ban nhân dân xã H. Ngày 06/7/2012, cụ H6 đến phòng công chứng Lý Thị Như Hòa để lập di chúc khác, nhưng cụ H6 không thông báo cho Ủy ban nhân dân xã H là nơi đang lưu giữ di chúc biết là không đúng quy định

[3.2.7] Sau khi cụ H6 chết, bà C làm thủ tục khai nhận di sản thừa kế theo di chúc tại Văn phòng công chứng, hồ sơ được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã H theo đúng quy định của pháp luật và đến ngày 14/02/2019 bà C được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh V cấp GCNQSDĐ thừa 54, diện tích 10.323,9m², loại đất trồng lúa nhưng không thể hiện nguyên đơn có khiếu nại hoặc xuất trình bản di chúc do cụ H6 đã lập để lại di sản cho nguyên đơn.

[3.2.8] Từ những nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Trần Thị Hồng C tuyên vô hiệu bản di chúc ngày 06/7/2012 của cụ H6 là có căn cứ.

[4] Sau khi xác định tính hợp pháp của các di chúc, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chia thừa kế của cụ H6 theo di chúc lập ngày 26/5/2008 và của cụ H7 theo quy định của pháp luật là có cơ sở, đúng pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Trần Thị Hồng P có kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

[5] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát đề nghị ý án sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận

[6] Quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là không phù hợp với nhận định trên nên không được chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Trần Thị Hồng P phải chịu án phí theo quy định.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ, phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị Hồng P; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2023/DS-ST ngày 23 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: bà Trần Thị Hồng P phải chịu 300.000 đồng; được trừ vào tiền đóng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0014818 ngày 30/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CÁC THÀNH VIÊN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Tuấn Vinh

Nguyễn Văn Khương

Nguyễn Thị Cúc